

## Xu hướng tăng quay trở lại

### Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,537 điểm. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động mua đã quay trở lại và tiếp tục chiếm ưu thế. Giá trị mua ròng ở mức 7 tỷ đồng. Đáng chú ý, hoạt động mua ròng tập trung chủ yếu trên VHM, MSN, và VRE.

### Đồ thị VN30 Future: Xu hướng tăng bị gián đoạn

Lực cầu quay trở lại trên VN30F2112, giữ vững ngưỡng 1,500 điểm và xác nhận cho sự trở lại của xu hướng tăng. Cụ thể, các đường MA chủ đạo nằm dưới giá đóng cửa, điều này hàm ý rằng giai đoạn tiếp tục xu hướng tăng đã bắt đầu. Vùng 1,480-1,490 điểm sẽ là vùng hỗ trợ chủ đạo trong ngắn hạn trong khi vùng 1,540 điểm tiếp tục là vùng kháng cự cho sự tiếp tục của xu hướng tăng. Traders đã có thể mở vị thế mua khi tín hiệu mua tin cậy đã xuất hiện.

### Chiến lược đầu tư

Mua VN30F2112 sau phiên ATO và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1,500 điểm. (Đồ thị giờ)

**Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai**

(điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán	Thời gian còn lại
VN30 Index	1,533.1	1.1					
VN30F2112	1,528.9	1.1	106,381	28,583	1,518	16/12/2021	25
VN30F2201	1,525.7	1.1	223	145	1,518	20/01/2022	60
VN30F2203	1,523.0	1.0	226	193	1,520	17/03/2022	116
VN30F2206	1,520.1	1.0	133	136	1,521	16/06/2022	207

Nguồn: Bloomberg, KIS

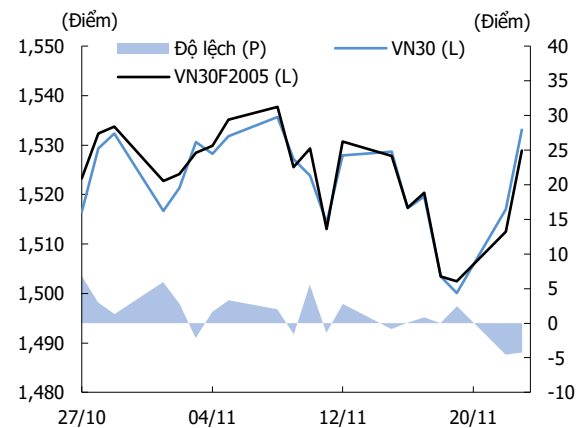
### Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30

Published on TradingView.com, November 24, 2021 08:10:24 +07  
 VN30F2112, 60 O: 1521.30 H: 1528.90 L: 1518.20 C: 1528.90



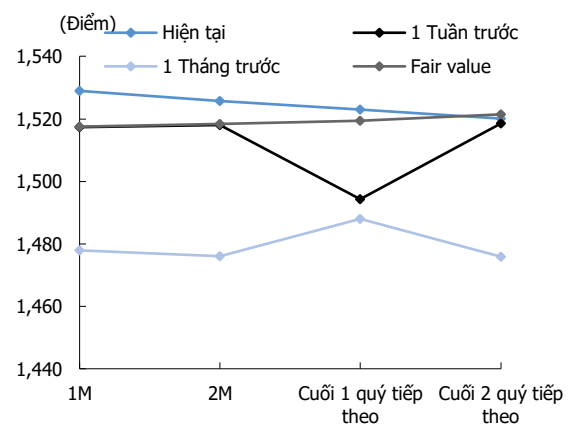
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Proportional Adjustment

### Hình 2. Basis spread



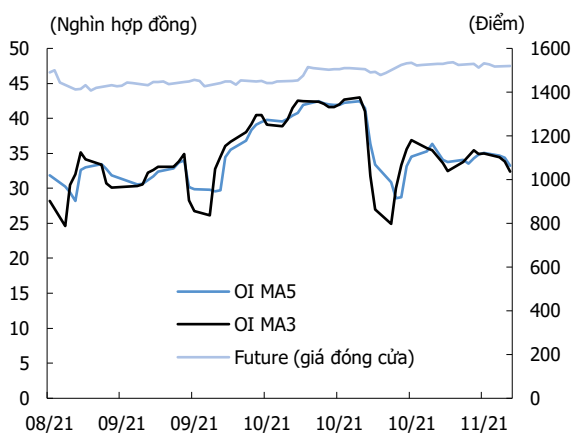
Nguồn: Bloomberg, KIS

### Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai



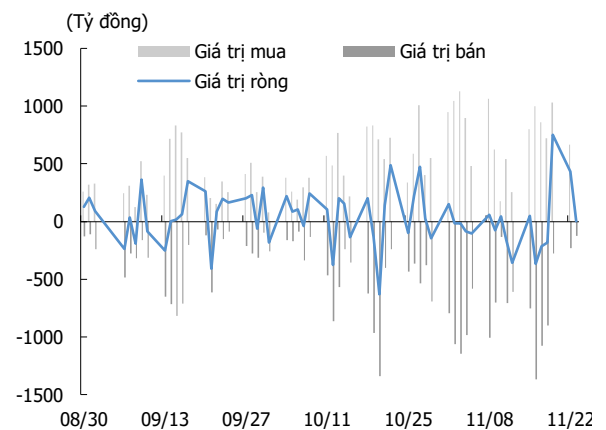
Nguồn: Bloomberg, KIS

### Hình 4. Open interest



Nguồn: Bloomberg, KIS

### Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày



Nguồn: Bloomberg, KIS

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	91,731	5.53	33,950	(0.6)	9.4	2.16	5,513	30.0	38,200	19,600
BID	BIDV	Tài chính	179,784	0.51	44,700	(1.9)	18.3	2.17	1,802	16.6	50,600	36,500
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	46,321	0.33	62,400	3.7	25.2	2.17	1,529	26.5	71,200	47,000
CTG	VietinBank	Tài chính	163,876	1.74	34,100	(1.2)	9.9	1.73	11,159	25.0	42,535	22,314
FPT	FPT Corp	CNTT	87,662	5.28	96,600	1.7	21.7	5.16	2,092	49.0	101,500	47,478
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	200,199	0.71	104,600	2.4	24.4	4.07	1,618	2.8	128,400	72,500
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	150,000	0.43	37,500	5.3	30.1	3.05	4,679	0.6	43,300	17,800
HDB	HDBank	Tài chính	63,352	3.14	31,800	(1.5)	11.3	2.30	3,632	17.5	32,300	15,884
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	221,633	8.48	49,550	1.8	7.0	2.63	27,636	24.9	58,400	25,407
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	29,254	1.35	45,500	5.8	24.5	2.99	2,957	31.3	51,100	23,455
MBB	MBBank	Tài chính	109,193	4.26	28,900	(1.0)	9.8	1.95	12,219	23.2	32,926	13,982
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	184,754	5.24	156,500	4.4	77.1	8.59	1,274	32.3	156,800	80,000
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	101,946	4.70	143,000	3.2	23.3	5.42	1,433	49.0	144,000	73,733
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	156,497	3.88	106,200	4.0	44.7	4.57	2,579	8.1	123,600	43,724
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	44,150	1.25	90,700	(0.2)	28.0	7.14	3,958	3.2	99,700	32,148
PLX	Petrolimex	Năng lượng	72,424	0.51	57,000	2.0	21.5	2.95	1,854	17.2	62,400	45,500
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	24,033	1.36	105,700	1.6	8.1	4.32	675	48.0	112,000	73,000
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	32,318	0.46	13,800	5.7	11.1	1.07	16,737	3.0	15,200	9,800
SAB	SABECO	TD thiết yếu	107,735	0.84	168,000	0.0	28.6	5.08	153	62.8	211,000	139,800
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	51,083	2.36	52,000	7.0	23.9	3.78	14,752	40.3	52,000	11,924
STB	Sacombank	Tài chính	53,729	3.62	28,500	(1.0)	15.2	1.61	14,604	16.8	33,900	14,050
TCB	Techcombank	Tài chính	184,674	8.51	52,600	(0.9)	10.6	2.11	13,519	22.5	58,600	23,100
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	57,060	2.43	48,700	4.7	11.0	2.30	5,279	29.8	48,700	19,930
VCB	Vietcombank	Tài chính	367,550	2.87	99,100	0.3	17.4	3.36	979	23.6	117,200	85,500
VHM	Vinhomes	Bất động sản	359,235	6.24	82,500	1.9	10.0	4.09	8,977	23.0	93,769	61,000
VIC	VinGroup	Bất động sản	360,734	7.31	94,800	0.0	76.0	3.55	2,466	13.6	129,689	82,222
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	71,493	2.53	132,000	3.1	30.1	4.21	916	16.8	138,500	105,800
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	180,363	5.12	86,300	0.1	19.1	5.80	3,465	54.5	117,200	84,000
VPB	VPBank	Tài chính	161,148	7.43	36,250	(1.2)	13.0	2.59	11,174	15.2	40,722	13,194
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	68,510	1.59	30,150	0.8	31.6	2.25	5,969	29.5	38,300	25,100

Nguồn: Bloomberg, KIS

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.